

**KẾ HOẠCH GIÁO DỤC CHỦ ĐỀ: BẢN THÂN**  
**Thời gian thực hiện: 3 tuần. Từ ngày 07/10 đến 25/10/2024**

STT	Độ tuổi	Mục tiêu giáo dục	Nội dung giáo dục		Hoạt động giáo dục
			Chung	Riêng	
<b>1. Lĩnh vực phát triển thể chất</b>					
<b>a) Phát triển vận động</b>					
1	3	Trẻ thực hiện đủ các động tác trong bài tập thể dục theo hướng dẫn	- Tập các động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp: hô hấp; tay; lưng, bụng, lườn chân. - Hô hấp: Hít vào, thở ra. ( gá gáy sáng, thổi nơ ` Tay: + Co và duỗi từng tay, kết hợp kiễng chân. - Lưng, bụng, lườn: +Quay sang trái, sang phải (5T: kết hợp tay chống hông hoặc hai tay dang ngang, chân bước sang phải, sang trái) +Ngửa người ra sau (5T: kết hợp tay giơ lên cao, chân bước sang phải, sang trái)		* HDH: Tập BTPT chung: - HH: Hít vào thở ra ( gá gáy sáng, thổi nơ) ` Tay: + Vỗ 2 tay vào nhau (Phía trước, phía sau trên đầu). + Co và duỗi từng tay, kết hợp kiễng chân. - Lưng, bụng, lườn: +Quay sang trái, sang phải (5T: kết hợp tay chống hông hoặc hai tay dang ngang, chân bước sang phải, sang trái) + Ngửa người ra sau (5T: kết hợp tay giơ lên cao, chân bước sang phải, sang trái) - Chân: ` Đứng 1 chân đưa lên trước khuyu gối. ` Bật đưa chân sang ngang.
2	4	Trẻ thực hiện đúng, đầy đủ, nhịp nhàng các động tác trong bài tập thể dục theo hiệu lệnh		` Vỗ 2 tay vào nhau (Phía trước, phía sau trên đầu). ` Đứng 1 chân đưa lên trước khuyu gối	
3	5	Trẻ thực hiện đúng, đủ, thuần thục các động tác của bài thể dục theo hiệu lệnh hoặc theo nhịp bản nhạc/bài hát. Bắt đầu và kết thúc động tác đúng nhịp		` Bật đưa chân sang ngang.	
7	3	Trẻ có thể kiểm soát được vận động: ` Đi thay đổi tốc độ theo đúng hiệu lệnh.	` Đi thay đổi tốc độ theo đúng hiệu lệnh. -TC: Chạy tiếp cờ		- HDH: Thể dục: Đi thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh. TC: Lộn cầu vòng - HDC: TC mới: Chạy tiếp cờ. -TCTV: <b>Tiếp cờ, vòng qua ghế.</b>
8	4	Trẻ có khả năng kiểm soát được vận động: ` Đi thay đổi tốc độ theo đúng hiệu lệnh.			
9	5	Trẻ có khả năng kiểm soát được vận động: ` Đi thay đổi tốc độ theo đúng hiệu lệnh.			
13	3	Trẻ có thể thể hiện nhanh, mạnh, khéo		-Bò theo đường	*HDH: Thể dục: - Bò theo đường díc

		trong thực hiện bài tập: Bò theo đường dích dắc.		dích dắc	dắc, bò dích dắc qua 5-7 điểm.
14	4	Trẻ thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập ` Bò trong đường dích dắc (4-5 điểm dích dắc, cách nhau 1,5m) không chệch ra ngoài.	` Bò dích dắc qua (5 điểm; 7 điểm)		TC: Dệt vải TCTV: Dích dắc; vòng qua; bảy điểm
15	5	Trẻ thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập: ` Bò vòng qua 5-6 điểm dích dắc, cách nhau 1,5m theo đúng yêu cầu.			
19	3	Trẻ có thể phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay trong một số hoạt động. - Vẽ được hình tròn theo mẫu. - Tự cài, cởi cúc.			- HDC: Góc học tập: Tô, đồ theo nét. - HĐ Lao động tự phục vụ: Cài, cởi cúc, kéo khoá (phéc mớ tuya), khâu, luồn, buộc dây
20	4	Trẻ có khả năng phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay, phối hợp tay-mắt trong một số hoạt động: -Vẽ hình người. - Tự cài, cởi cúc, buộc dây giày.	- Cài, cởi cúc - Xé, tô -Xâu, <i>luồn</i> , buộc dây	- Tô vẽ nguệch ngoạc.  - Vẽ hình.	<b>TCTV: Kéo khóa, luồn dây; cởi cúc</b>
21	5	Trẻ có khả năng phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay, phối hợp tay-mắt trong một số hoạt động: - Vẽ hình và sao chép các chữ cái, chữ số. - Tự cài, cởi cúc, khâu, <i>luồn</i> dây giày, cài quai dép, kéo khóa (Phéc mớ tuya)			- Tô, đồ theo nét. - Kéo khóa (Phéc mớ tuya), luồn buộc dây giày
<b>b) Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe</b>					
22	3	Trẻ có thể nói đúng tên một số thực phẩm quen thuộc khi nhìn vật thật hoặc tranh ảnh (thịt, cá, trứng, sữa, rau...).	- Nhận biết một số thực phẩm quen thuộc.		- HĐ học: DDSK Nhận biết, phân loại một số thực phẩm thông thường theo 4 nhóm thực phẩm.

23	4	Trẻ có khả năng nhận biết một số thực phẩm cùng nhóm: - Thịt, cá, ...có nhiều chất đạm. - Rau, quả chín có nhiều vitamin.	- Nhận biết một số thực phẩm thông thường trong các nhóm thực phẩm (Trên tháp dinh dưỡng)	- HDC: Gia đình nấu ăn - HD ăn: Thực hành: Kể tên các món ăn hằng ngày: <b>Ăn uống đầy đủ các chất, không kén chọn thức ăn, ăn hết suất.</b>
24	5	Trẻ có khả năng lựa chọn được một số thực phẩm khi được gọi tên nhóm: - Thực phẩm giàu chất đạm: thịt, cá... - Thực phẩm giàu vitamin và muối khoáng: rau, quả...	- Nhận biết, phân loại một số thực phẩm thông thường theo 4 nhóm thực phẩm.	
28	3	Trẻ biết ăn để chóng lớn, khoẻ mạnh và chấp nhận ăn nhiều loại thức ăn khác nhau.	- Nhận biết các bữa ăn trong ngày và ích lợi của ăn uống đủ lượng và đủ chất. <b>Nhận biết một số món ăn truyền thống của dân tộc Thái: Khẩu sến, cơm lam, thịt sấy, nạp sườn...</b>	
29	4	Trẻ biết ăn để cao lớn, khoẻ mạnh, thông minh và biết ăn nhiều loại thức ăn khác nhau để có đủ chất dinh dưỡng.	- Nhận biết sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật (ỉa chảy, sâu răng, suy dinh dưỡng, béo phì...). Ăn uống đầy đủ các chất, không kén chọn thức ăn, ăn hết suất	
30	5	Trẻ biết: ăn nhiều loại thức ăn, ăn chín, uống nước đun sôi để khỏe mạnh; uống nhiều nước ngọt, nước có gas, ăn nhiều đồ ngọt dễ béo phì không có lợi cho sức khỏe.		
31	3	Trẻ có thể thực hiện được một số việc đơn giản với sự giúp đỡ của người lớn: ` Tháo tất, cởi quần, áo....	- Sử dụng đồ dùng đúng cách - Giữ gìn đồ dùng <b>* Giữ gìn đồ dùng, tiết kiệm nước</b>	- Hoạt động lao động, vệ sinh: Thực hành: Tự thay quần, áo khi bị ướt, bẩn và để vào nơi quy định <b>RKN: Xếp dép gọn gàng</b> <b>RKN: Gấp quần áo</b> <b>RKN: Xếp đồ dùng gọn gàng</b>
32	4	Trẻ có khả năng thực hiện được một số việc khi được nhắc nhở: ` Tự thay quần, áo khi bị ướt, bẩn.		
33	5	Trẻ có khả năng thực hiện được một số việc đơn giản:		

		<p>` Tự thay quần, áo khi bị ướt, bẩn và để vào nơi quy định.</p>		
34	3	<p>` Trẻ có khả năng sử dụng bát, thìa, cốc đúng cách.</p>	<p>- <i>Cách sử dụng các đồ dùng khi ăn, uống.</i></p>	<p>- HD ăn: Tổ chức cho trẻ giờ ăn, uống hàng ngày. <b>+ Quan sát và đàm thoại với trẻ về cách sử dụng một số đồ dùng đúng cách: ca, cốc bát, thìa, đĩa, chén</b> + Thực hành: Sử dụng cốc uống nước, sử dụng bát, thìa trong khi ăn. <b>TCTV: Lau bàn, quét nhà, hót rác</b></p>
35	4	<p>` Trẻ có khả năng tự cầm bát, thìa xúc ăn gọn gàng, không rơi vãi, đổ thức ăn.</p>		
36	5	<p>` Trẻ có khả năng sử dụng đồ dùng phục vụ ăn uống thành thạo</p>		
37	3	<p>Trẻ có một số hành vi tốt trong ăn uống khi được nhắc nhở: Uống nước đã đun sôi...</p>	<p>- Tập luyện một số thói quen tốt về giữ gìn sức khỏe. - <i>Nhu cầu của bản thân và sử dụng đồ dùng, nguyên liệu, thực phẩm vừa đủ, tránh lãng phí.</i> - Dùng nước tiết kiệm * Trước khi ăn phải mời, ăn từ tốn, ăn hết xuất, khi ăn không làm rơi vãi</p>	<p>- HD ăn, ngủ, vệ sinh: Thực hành rửa tay trước khi ăn, ăn xong xúc miệng, thay quần áo hàng ngày....</p>
38	4	<p>Trẻ có một số hành vi tốt trong ăn uống: ` Mời cô, mời bạn khi ăn; ăn từ tốn, nhai kỹ. ` Chấp nhận ăn rau và ăn nhiều loại thức ăn khác nhau... ` Không uống nước lã.</p>		
39	5	<p>Trẻ có một số hành vi và thói quen trong ăn uống: ` Mời cô, mời bạn khi ăn và ăn từ tốn. ` Không đùa nghịch, không làm đổ vãi thức ăn. ` Ăn nhiều loại thức ăn khác nhau. ` Không uống nước lã, ăn quà vặt ngoài đường</p>		

40	3	<p>Có một số hành vi tốt trong vệ sinh, phòng bệnh khi được nhắc nhở:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>` Chấp nhận: Vệ sinh răng miệng, đội mũ ra nắng, mặc áo ấm, đi tất khi trời lạnh, đi dép, giày khi đi học.</li> <li>` Biết nói với người lớn khi bị đau, chảy máu.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhận biết một số biểu hiện khi ốm, nguyên nhân và cách phòng tránh.</li> <li>- Lợi ích của việc giữ gìn vệ sinh thân thể</li> <li>- <i>Bảo vệ sức khoẻ, an toàn khi có thời tiết thay đổi hay hiện tượng thời tiết bất thường.</i></li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- HĐ chơi:</li> <li>TC: Tôi vui tôi buồn:</li> <li>Thể hiện cảm xúc buồn khi ốm...</li> <li>- HĐ ăn, ngủ, vệ sinh: Thực hành vệ sinh răng miệng đánh răng, xúc miệng...</li> <li><i>Bảo vệ sức khoẻ, an toàn khi có thời tiết thay đổi</i></li> <li>- <i>Thực hành: rửa tay bằng xà phòng</i></li> </ul>
41	4	<p>Trẻ có một số hành vi tốt trong vệ sinh, phòng bệnh khi được nhắc nhở:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>` Vệ sinh răng miệng, đội mũ khi ra nắng, mặc áo ấm, đi tất khi trời lạnh, đi dép, giày khi đi học.</li> <li>` Biết nói với người lớn khi bị đau, chảy máu hoặc sốt...</li> <li>` Đi vệ sinh đúng nơi quy định.</li> <li>` Bỏ rác đúng nơi quy định.</li> </ul>		
42	5	<p>Trẻ có một số hành vi và thói quen tốt trong vệ sinh, phòng bệnh:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>` Vệ sinh răng miệng: Sau khi ăn hoặc trước khi đi ngủ, sáng ngủ dậy.</li> <li>` Ra nắng đội mũ: Đi tất, mặc áo ấm khi trời lạnh.</li> <li>` Nói với người lớn khi bị đau, chảy máu hoặc sốt...</li> <li>` Che miệng khi ho, hắt hơi.</li> <li>` Đi vệ sinh đúng nơi quy định.</li> <li>` Bỏ rác đúng nơi quy định; không nhổ bậy ra lớp.</li> </ul>		

## 2. Lĩnh vực phát triển nhận thức

### a) Khám phá khoa học

56	3	Trẻ có khả năng sử dụng các giác quan để xem xét, tìm hiểu đối tượng: nhìn, nghe, sờ để nhận ra đặc điểm nổi bật của đối tượng	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chức năng của các giác quan và một số/ các bộ phận khác của cơ thể.</li> <li>- <i>Quy định giao thông đơn giản.</i></li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- HĐH: KPKH: Trò chuyện về cơ thể và các giác quan</li> <li>TCTV: Khứu giác, vị giác; thính giác</li> <li>- HDC: Xem tranh về một số quy định khi tham gia giao thông</li> </ul>
61	4	Trẻ có khả năng phối hợp các giác quan để xem xét sự vật hiện tượng như kết hợp sờ nhìn, ngửi, nếm... để tìm hiểu đặc điểm của đối tượng		
66	5	Trẻ có khả năng phối hợp các giác quan để quan sát, xem xét và thảo luận về sự vật, hiện tượng như sử dụng các giác quan khác nhau để xem xét cơ thể, bạn và thảo luận về đặc điểm của đối tượng.		
57	3	Trẻ có thể làm thử nghiệm đơn giản với sự giúp đỡ của người lớn để quan sát, tìm hiểu đối tượng: Pha nước chanh, bóc lạc, vật nào chứa được nhiều nhất, làm quà tặng bà mẹ, cô giáo ngày 20/10	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đặc điểm, công dụng và cách sử dụng DDĐC</li> <li>- Mối liên hệ đơn giản giữa đặc điểm cấu tạo với cách sử dụng của đồ dùng đồ chơi</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- HĐTN: Pha nước chanh, bóc lạc, vật nào chứa được nhiều nhất, làm quà tặng bà mẹ, cô giáo ngày 20/10, Chiếc lọ khoa học; Gió thổi theo hướng nào</li> </ul>
62	4	Trẻ có khả năng làm thử nghiệm và sử dụng công cụ đơn giản để quan sát, so sánh, dự đoán Pha nước chanh, bóc lạc, vật nào chứa được nhiều nhất, làm quà tặng bà mẹ, cô giáo ngày 20/10		

67	5	Trẻ có khả năng làm thử nghiệm và sử dụng công cụ đơn giản để quan sát, so sánh, dự đoán, nhận xét và thảo luận. Pha nước chanh, bóc lạc, vật nào chứa được nhiều nhất, làm quà tặng bà mẹ, cô giáo ngày 20/10		
78	3	Trẻ có khả năng thể hiện một số điều quan sát được qua hoạt động chơi, âm nhạc, tạo hình trong chủ đề bản thân	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thể hiện vai chơi trong các hoạt động chơi, hoạt động âm nhạc và tạo hình.</li> <li>+ Đếm các bộ phận của cơ thể.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- HDC:</li> <li>+ Góc TH: Tô màu, vẽ làm sách về bản thân</li> <li>+ Góc AN: Mời bạn ăn, Mừng sinh nhật</li> <li>- HDC: TC Mới Đếm các bộ phận của cơ thể.</li> <li>TCTV: Số lượng, bộ phận, cơ thể.</li> </ul>
79	4	Trẻ có khả năng thể hiện một số hiểu biết về đối tượng qua hoạt động chơi, âm nhạc và tạo hình trong chủ đề bản thân		
80	5	Trẻ có khả năng thể hiện hiểu biết về đối tượng qua hoạt động chơi, âm nhạc và tạo hình trong chủ đề bản thân		
<b>b) Làm quen với một số khái niệm sơ đẳng về toán</b>				
100	3	Trẻ có thể nhận ra quy tắc sắp xếp đơn giản (mẫu) và sao chép lại.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Xếp tương ứng 1 - 1, ghép đôi.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>* Hoạt động học:</li> <li>- Xếp tương ứng 1-1, ghép đôi; Ghép thành cặp những đối tượng có mối liên quan</li> <li>- Trò chơi: Thi xem đội nào nhanh</li> </ul>
101	4	Trẻ nhận ra quy tắc sắp xếp của ít nhất 3 đối tượng và sao chép lại.		
104	5	Trẻ có khả năng sáng tạo ra mẫu sắp xếp và tiếp tục sắp xếp		
112	3	Trẻ có thể sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đối tượng trong không gian và bản thân.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhận biết phía trên - phía dưới, phía trước - phía sau, tay phải - tay trái của bản thân.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>* Hoạt động học:</li> <li>- Xác định phía trên, - phía dưới, phía trước - phía sau; Tay phải-tay trái của bản thân</li> </ul>
113	4	Trẻ có thể sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đồ vật so		



		với người khác.	trên - phía dưới, phía phải - phía trái).	dưới; phía phải phía trái so với bản thân
114	5	Trẻ có khả năng sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đồ vật làm chuẩn.	- Xác định vị trí của đồ vật (phía trước-phía sau; phía trên-phía dưới; phía phải-phía trái) so với bản thân trẻ, với bạn khác, với một vật nào đó làm chuẩn.	trẻ bạn khác - TCTV: Phía trước - phía sau; phía trên phía dưới - Trò chơi: con thỏ
<b>C) Khám phá xã hội</b>				
117	3	Trẻ nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện.	- Tên, tuổi, giới tính của bản thân.	- HĐC: TC mới: Ai là bạn của chúng mình.
118	4	Trẻ nói họ và tên, tuổi, giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện.	- Họ tên, tuổi, giới tính, đặc điểm bên ngoài, sở thích của bản thân.	
119	5	Trẻ nói đúng họ, tên, ngày sinh, giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện.	- Họ tên, ngày sinh, giới tính, đặc điểm bên ngoài, sở thích của bản thân - Chơi đoàn kết, quan tâm tới bạn	
<b>3. Lĩnh vực phát triển ngôn ngữ</b>				
157	3	Trẻ có thể sử dụng được câu đơn, câu ghép về bản thân	- Sử dụng các câu đơn, câu ghép khác nhau - Nghe hiểu nội dung các câu đơn, câu mở rộng, câu phức	- HĐC: Đóng vai Người bán hàng, mua hàng, công nhân xây dựng... <b>TCTV: Thị Giác, xúc giác; giác quan.</b> Thực hành: Đặt câu hỏi: Mũi dùng để làm gì? Mũi dùng để ngửi; Con hãy đi rửa tay sạch trước khi ăn cơm..
158	4	Trẻ có thể sử dụng được các loại câu đơn, câu ghép, câu khẳng định, câu phủ định về bản thân.		
159	5	Trẻ có khả năng dùng được câu đơn, câu ghép, câu khẳng định, câu phủ định, câu mệnh lệnh về bản thân		
160	3	Trẻ có thể kể lại được những sự việc đơn giản đã diễn ra của bản thân như: Đi thăm ông bà, đi chơi, xem phim...	- Bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết của bản thân rõ ràng, dễ hiểu. - Kể lại sự việc theo trình tự - Đặt các câu hỏi: tại sao? như thế nào? làm bằng gì?	- HĐC: Trẻ đóng vai chơi: bác sĩ, mẹ con, bán hàng, bác xây dựng.... HĐH: KC: Giác mơ kỳ lạ Thực hành: Đặt các câu hỏi: Con thích ăn gì? Con thích ăn thịt gà. Con thích mặc trang phục như thế nào? Con thích mặc váy...
161	4	Trẻ có thể kể lại sự việc theo trình tự.		
162	5	- Trẻ có khả năng miêu tả sự việc với nhiều thông tin về hành động, tính cách, trạng thái, ... của nhân vật.		



163	3	- Trẻ có khả năng đọc thuộc bài thơ, bài thơ "bé đi chợ"; đồng dao: Tay đẹp	- Đọc thơ, cao dao, đồng dao, tục ngữ, hò vè. - Đọc biểu cảm bài thơ "bé đi chợ"; đồng dao: Tay đẹp, * Lựa chọn các loại thực phẩm cần thiết cho cơ thể.	` Nghe các bài hát, bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, câu đố, hò, vè phù hợp với độ tuổi. - Nghe các bài hát, bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, câu đố, hò, vè phù hợp với độ tuổi	*HĐHọc: - Đọc thơ: Bé đi chợ, - <b>TCTV: Quầy hàng; cà rốt, lạc vùng.</b> - Đồng dao: Tay đẹp. * <b>TC: Lựa chọn các loại thực phẩm cần thiết cho cơ thể.</b> - Đồng dao: Tay đẹp <b>TCTV: Mệt mỗi, uể oải; khỏe khoắn.</b>
164	4				
165	5	Trẻ có khả năng đọc biểu cảm bài thơ "bé đi chợ"; đồng dao: Tay đẹp			
185	3	Trẻ có thể nhìn vào tranh minh họa và gọi tên nhân vật trong tranh.	` Mô tả sự vật, tranh ảnh/ hiện tượng (Có sự giúp đỡ 3T)		- HĐH: - Kể chuyện: Giác mơ kỳ lạ <b>TCTV: Mệt mỗi, uể oải; Khỏe khoắn.</b>
186	4	Trẻ có thể mô tả hành động của các nhân vật trong tranh.			
187	5	Trẻ có khả năng kể truyện theo tranh minh họa và kinh nghiệm của bản thân.	` Kể truyện theo đồ vật, theo tranh.		
192	5	Trẻ nhận dạng và phát âm đúng chữ cái a,ă,â	- Nhận dạng các chữ cái a, ă, â - Phát âm các tiếng có phụ âm đầu, phụ âm cuối gần giống nhau và các thanh điệu.		- HĐH: Làm quen chữ cái a, ă, â (Steam) - HĐC: Trẻ tô, xếp ghép chữ cái.
193		Trẻ có khả năng tô đồ các nét chữ a,ă,â, sao chép 1 số ký hiệu chữ cái	- Tập tô, tập đồ các nét chữ a,ă,â		- Hoạt động học: Tập tô, tập đồ các nét chữ a, ă, â
<b>4. Lĩnh vực phát triển tình cảm và kỹ năng xã hội</b>					
194	3	Trẻ nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân.	-Tên, tuổi, giới tính		- HĐH: PTTC: Bé giới thiệu về mình. - <b>TCTV: Giới tính; sở thích; khả năng</b>
195	4	Trẻ nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân.			
196	5	Trẻ nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân.		Họ tên, tuổi, giới tính, vị trí và trách nhiệm của trẻ +trong	

			lớp học.	
197	3	Trẻ nói được điều bé thích, không thích.	Những điều bé thích, không thích.	
198	4	Trẻ nói được điều bé thích, không thích, những việc gì bé có thể làm được.	- Sở thích, khả năng của bản thân.	
200		Trẻ nói được điều bé thích, không thích, những việc gì bé có thể làm được và việc bé không làm được.		
201	5	Trẻ nói được mình có điểm gì giống và khác bạn (Dáng vẻ bên ngoài, giới tính, sở thích và khả năng).	- Điểm giống khác nhau của mình với người khác.	
204		- Trẻ biết tự làm một số việc đơn giản hằng ngày (vệ sinh cá nhân, trực nhật, chơi...).	- Thực hiện công việc được giao: Trực nhật, xếp dọn đồ chơi * Ngăn nắp gọn gàng. Cát đồ dùng đồ chơi đúng nơi quy định”	- Hoạt động lao động, vệ sinh: Giúp cô sắp xếp bàn ghế, đồ dùng đồ chơi ngăn nắp gọn gàng, đúng nơi quy định.
212	3	Trẻ biết biểu lộ cảm xúc vui, buồn, sợ hãi, tức giận.	- Bày tỏ tình cảm phù hợp với trạng thái cảm xúc của người khác trong các tình huống giao tiếp khác nhau	- HĐC: <b>TC: Ai là bạn của chúng mình.</b>
213	4	Trẻ biết biểu lộ một số cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên.	- Quan tâm, chia sẻ, giúp đỡ bạn <b>chia sẻ với mọi người trong hoàn cảnh thiên tai).</b>	
214	5	Trẻ biết biểu lộ cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên, xấu hổ. <i>có khả năng kiểm soát cảm xúc của bản thân</i>	- Biết giúp đỡ những người lao động xung quanh những công việc vừa sức. <b>+ Quý trọng, biết ơn người lao động.</b>	
215		- Trẻ biết an ủi và chia vui với người thân, <i>khoan dung đoàn kết với bạn bè.</i>		- HĐC: Góc Phân vai: Gia đình, bán hàng Góc xây dựng: Xây nhà cho bé...
230	3	Trẻ chú ý nghe khi cô, bạn nói	- Lắng nghe ý kiến của người khác	- HĐH, HĐC, ăn ngủ vệ sinh:
231	4			Trẻ lắng nghe cô giáo và các bạn.
232	5	- Trẻ chú ý nghe khi cô, bạn nói, không ngắt lời người khác.	- Chú ý lắng nghe, quan tâm chia sẻ đến mọi người. <b>- Nhận biết được một số tình huống nguy hiểm đến bản thân và biết tìm cách để thoát hiểm</b>	<b>- HĐH: PTKNXH: Thoát hiểm</b>
238		- Trẻ biết tìm cách để giải quyết mâu thuẫn		

		(dùng lời, nhờ sự can thiệp của người khác), chấp nhận chính kiến của người khác, nhận biết được một số tình huống nguy hiểm đến bản thân và biết tìm cách để thoát hiểm.		
<b>5. Lĩnh vực phát triển thẩm mỹ</b>				
249	3	Trẻ vui sướng, vỗ tay, nói lên cảm nhận của mình khi nghe các âm thanh gợi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp nổi bật của các sự vật, hiện tượng		- HĐH: Âm nhạc Mừng sinh nhật; Mời bạn ăn; Cái mũi
250	4	Trẻ vui sướng, vỗ tay, làm động tác mô phỏng và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm nhận của mình khi nghe các âm thanh gợi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng	- Nghe và nhận ra sắc thái (vui, buồn, tình cảm tha thiết) của các bài hát, bản nhạc. Mừng sinh nhật; Mời bạn ăn; Cái mũi	
251	5	Trẻ tán thưởng, tự khám phá, bắt chước âm thanh, dáng điệu và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình khi nghe các âm thanh gợi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng		
252	3	Trẻ chú ý nghe, thích được hát theo, vỗ tay, nhún nhảy, lắng nghe theo bài hát, bản nhạc về chủ đề bản thân	- Nghe các bài hát, bản nhạc (nhạc thiếu nhi, dân ca)	- HĐ Học: Mừng sinh nhật; Mời bạn ăn NH: Em là bông hồng nhỏ; Thật đáng chê, ru em; Chỉ có một trên đời
253	4	Trẻ chú ý nghe, thích thú (hát, vỗ tay, nhún nhảy, lắng nghe) theo bài hát, bản nhạc về chủ đề bản thân	- Nghe và nhận ra các loại nhạc khác nhau (nhạc thiếu nhi, dân ca)	
254	5	Trẻ chăm chú lắng nghe và hưởng ứng cảm xúc (hát theo,	- Nghe và nhận biết các thể loại âm nhạc khác nhau về chủ đề bản thân.	

		nhún nhảy, lắc lư thể hiện động tác minh họa phù hợp) theo bài hát, bản nhạc; nhạc về chủ đề bản thân		
255	3	Trẻ có khả năng hát tự nhiên, hát được giai điệu bài hát Mời bạn ăn.	- Hát đúng giai điệu, lời ca bài hát.	- HD Học: Hát: Mời bạn ăn. Nghe hát: Thật đáng chê TC Tai ai tinh
256	4	Trẻ có khả năng hát đúng giai điệu, lời ca, hát rõ lời và thể hiện sắc thái của bài hát Mời bạn ăn qua giọng hát, nét mặt, điệu bộ...	- Hát đúng giai điệu, lời ca và thể hiện sắc thái, tình cảm của bài hát trong chủ đề Bản thân	
257	5	- Trẻ có khả năng hát đúng giai điệu, lời ca, hát diễn cảm phù hợp với sắc thái, tình cảm của bài hát "Mời bạn ăn" qua giọng hát, nét mặt, điệu bộ, cử chỉ.		
258	3	Trẻ có thể vận động vỗ tay theo lời ca bài hát "Mừng sinh nhật"	- Vận động đơn giản theo nhịp điệu của các bài hát, bản nhạc.	* HD Học: AN - NDTT: VTTLTC: Mừng sinh nhật Nghe hát: Em là bông hồng nhỏ, - TC: Nghe tiết tấu tìm đồ vật. VD minh họa: Cái mũi (Đa văn hoá) NH: Chỉ có một trên đời
259	4	Trẻ có khả năng vận động nhịp nhàng theo nhịp điệu các bài hát, bản nhạc với các hình thức (vỗ tay theo lời ca). "Mừng sinh nhật" VD minh họa: Cái mũi.	- Vận động nhịp nhàng theo giai điệu, nhịp điệu của các bài hát bản nhạc.	TC: Tai ai tinh
260	5	- Trẻ có khả năng vận động vỗ tay theo lời ca nhịp nhàng phù hợp với sắc thái, nhịp điệu bài hát, bản nhạc "Mừng sinh nhật". VD minh họa: Cái mũi.	- Vận động nhịp nhàng theo giai điệu, nhịp điệu và thể hiện sắc thái phù hợp với các bài hát, bản nhạc	
266	3	Trẻ vui sướng, chỉ, sờ, ngắm nhìn và nói lên cảm nhận của mình trước vẻ đẹp nổi bật (về màu sắc, hình dáng...) của các tác phẩm tạo hình vẽ chân	- Thể hiện thái độ, tình cảm khi ngắm nhìn vẻ đẹp của tác phẩm nghệ thuật trong chủ đề bản thân.	- HDH: Vẽ chân dung của tôi; + HĐC: Góc nghệ thuật: trẻ vẽ chân dung

		dung của tôi		
267	4	Trẻ thích thú, ngắm nhìn, chỉ, sờ và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình trước vẻ đẹp nổi bật (về màu sắc, hình dáng...) của các tác phẩm tạo hình vẽ chân dung của tôi		
268	5	Trẻ thích thú, ngắm nhìn, chỉ, sờ và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình trước vẻ đẹp nổi bật (về màu sắc, hình dáng...) của các tác phẩm tạo hình vẽ chân dung của tôi		
272	3	Trẻ có thể vẽ các nét thẳng, xiên, ngang tạo thành bức tranh Vẽ chân dung của tôi đơn giản	- Sử dụng một số kỹ năng vẽ để tạo ra sản phẩm chân dung tôi đơn giản.	+ HĐH: Tạo hình Vẽ chân dung của tôi (ĐT) - TCTV: <b>Chân dung, bạn trai, bạn gái</b> HĐC: <b>Góc nghệ thuật: Vẽ chân dung</b>
273	4	Trẻ có khả năng vẽ phối hợp được các nét xiên, ngang, cong tròn tạo thành bức tranh Vẽ chân dung của tôi có màu sắc và bố cục.	- Sử dụng các kỹ năng vẽ để tạo ra sản phẩm "Chân dung tôi" có màu sắc, kích thước, hình dáng/ đường nét.	
274	5	Trẻ có khả năng phối hợp các kỹ năng vẽ để tạo thành bức tranh Vẽ chân dung của tôi có màu sắc hài hoà, bố cục cân đối	Phối kết hợp các kỹ năng vẽ để tạo thành sản phẩm "chân dung của tôi" có màu sắc, kích thước/hình dáng/ đường nét và bố cục cân đối	
281	3	Trẻ có khả năng xếp chồng, xếp cạnh, xếp cách tạo thành các sản phẩm có cấu trúc đơn giản.		- HĐC: Lắp ghép hình cơ thể, lắp ghép đồ dùng đồ chơi cho bé...
282	4	Trẻ có khả năng phối hợp các kỹ năng xếp hình để tạo thành các sản phẩm có kiểu dáng, màu sắc khác nhau.	- Phối kết hợp các kỹ năng xếp hình để tạo thành ra sản phẩm có màu sắc, kích thước /hình dáng/ đường nét và bố cục.	

283	5	- Trẻ có khả năng phối hợp các kĩ năng xếp hình để tạo thành các sản phẩm có kiểu dáng, màu sắc hài hoà, bố cục cân đối.		
284	3	Trẻ có khả năng nhận xét được các sản phẩm tạo hình.	- Nhận xét sản phẩm tạo hình về màu sắc, hình dáng/ đường nét và bố cục.	- HDH: Tạo hình Vẽ chân dung của tôi;
285	4	Trẻ có khả năng nhận xét được các sản phẩm tạo hình về màu sắc, đường nét, hình dáng.		
286	5	Trẻ có khả năng nhận xét các sản phẩm tạo hình về màu sắc, hình dáng, bố cục.		
288	4	Trẻ biết nói lên ý tưởng và tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích	` Nói lên ý tưởng tạo hình của mình.	
289	5			
<b>Tổng: 104 MT (Trong đó: Bé: 32 MT; Nhỡ: 33MT; Lớn: 39MT )</b>				

**NGƯỜI XÂY DỰNG KẾ HOẠCH**

**XÁC NHẬN CỦA BGH**

**Vũ Thị Minh Phương**

**Hà Thị Hương**

